

PHIẾU KIỂM TRA BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ XE ZACE

Ngày kiểm tra : .....

☐KF80    ☐KF82

Ghi chú : Khoanh tròn những hạng mục đã thực hiện  
Ví dụ : **(KT)**

| STT                                                                                                                                                    | Hình minh họa                                                       | Nội dung kiểm tra<br>Bảo dưỡng                                                                           | Cấp bảo dưỡng |    |          |     | Ghi chú |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----|----------|-----|---------|
|                                                                                                                                                        |                                                                     |                                                                                                          | Nhỏ           | TB | TB lớn   | Lớn |         |
| Các bộ phận cần thay thế, bảo dưỡng (tuỳ cấp bảo dưỡng)                                                                                                |                                                                     |                                                                                                          |               |    |          |     |         |
| 1                                                                                                                                                      |                                                                     | Dầu động cơ<br>3.4 / 3.7L                                                                                | TT            | TT | TT       | TT  |         |
| 2                                                                                                                                                      |                                                                     | Lọc dầu<br>động cơ                                                                                       |               | TT | TT       | TT  |         |
| 3                                                                                                                                                      |                                                                     | Lọc xăng                                                                                                 |               |    |          | TT  |         |
| 4                                                                                                                                                      |                                                                     | Lọc gió                                                                                                  | VS            | VS | VS       | TT  |         |
| 5                                                                                                                                                      |                                                                     | Đĩa phanh & Má phanh<br><br>Độ dày má phanh(trước):<br>Trái .....(1-10)mm<br>Phải .....(1-10)mm          | KM            | VS | VS       | VS  |         |
| 6                                                                                                                                                      |                                                                     | Trống phanh &<br>Guốc phanh<br><br>Độ dày má phanh (sau) :<br>Trái .....(1-5.1)mm<br>Phải .....(1-5.1)mm | KM            | KM | VS       | VS  |         |
| 7                                                                                                                                                      |                                                                     | Dầu phanh                                                                                                | KT            | KT | KT       | TT  |         |
|                                                                                                                                                        |                                                                     | Đường ống<br>dầu phanh                                                                                   | KT            | KT | KT       | KT  |         |
| 8                                                                                                                                                      |                                                                     | Dầu ly hợp                                                                                               | KT            | KT | KT       | TT  |         |
| 9                                                                                                                                                      | Dầu hộp số thường                                                   |                                                                                                          |               |    |          | TT  |         |
| 10                                                                                                                                                     | Dầu vi sai                                                          |                                                                                                          |               |    | KT       | TT  |         |
| 11                                                                                                                                                     |                                                                     | Bugì thường                                                                                              |               | KT | TT       | TT  |         |
|                                                                                                                                                        |                                                                     | Bugì bạch kim/ Iridium thay thế sau mỗi 100.000 km                                                       |               |    |          |     |         |
| 16                                                                                                                                                     |                                                                     | Dầu trợ lực lái                                                                                          | KT            | KT | KT       | KT  |         |
| 17                                                                                                                                                     |                                                                     | Hoạt động vô lăng<br>Các thanh dẫn động và cơ<br>cấu lái                                                 |               |    | KT       | KT  |         |
| 18                                                                                                                                                     |                                                                     | Ống xả & các giá đỡ<br><br>Tình trạng đường ống,<br>cao su treo ống xả                                   | KT            | KT | KT       | KT  |         |
| 19                                                                                                                                                     |                                                                     | Nắp bình nhiên liệu,<br>đường ống nhiên liệu,<br>cút nối và van điều khiển<br>hơi nhiên liệu             | KT            | KT | KT       | KT  |         |
| 20                                                                                                                                                     |                                                                     | Khớp cầu và các cao su<br>che bụi                                                                        | KT            | KT | KT       | KT  |         |
| 21                                                                                                                                                     |                                                                     | Mỡ vòng bi bánh xe trước<br>& các khớp cầu                                                               |               |    | TT       | TT  |         |
| 22                                                                                                                                                     |                                                                     | Hệ thống treo<br>Trước - Sau                                                                             |               |    | KT       | KT  |         |
| 23                                                                                                                                                     |                                                                     | Áp suất lốp, tình trạng lốp                                                                              | KT            | KT | KT       | KT  |         |
|                                                                                                                                                        |                                                                     | Chiều cao hoa lốp<br>Min=1.6mm                                                                           | KT            | KT | KT       | KT  |         |
|                                                                                                                                                        |                                                                     | Trước   Trái .....mm    Phải .....mm<br>Sau   Trái .....mm    Phải .....mm<br>Dự phòng : .....mm         |               |    |          |     |         |
| 24                                                                                                                                                     |                                                                     | Bộ lọc than hoạt tính<br><br>- Tình trạng bầu lọc<br>- Tình trạng các ống nối                            |               |    |          | KT  |         |
| 25                                                                                                                                                     | Hoạt động bàn đạp phanh (1-6mm)<br>Bàn đạp ly hợp (nếu có) (5-15mm) |                                                                                                          | KT            | KT | KT       | KT  |         |
| 26                                                                                                                                                     | Hoạt động phanh tay / phanh đỗ                                      |                                                                                                          | KT            | KT | KT       | KT  |         |
| 27                                                                                                                                                     | Kiểm tra các ốc gãm                                                 |                                                                                                          | KT            | KT | KT       | KT  |         |
| 28                                                                                                                                                     | Cần gạt nước                                                        |                                                                                                          | KT            | KT | KT       | KT  |         |
| 29                                                                                                                                                     | Đèn, còi, bộ phun nước rửa kính                                     |                                                                                                          | KT            | KT | KT       | KT  |         |
| 30                                                                                                                                                     | Cơ cấu khóa cửa, lên kính, đai an toàn, gương hậu                   |                                                                                                          | KT            | KT | KT       | KT  |         |
| 31                                                                                                                                                     |                                                                     | Ắc quy                                                                                                   |               |    |          |     |         |
|                                                                                                                                                        |                                                                     | Mức dung dịch, tình trạng<br>điện cực                                                                    | KT            | KT | KT       | KT  |         |
|                                                                                                                                                        |                                                                     | Tỉ trọng ắc quy: 1.25-1.29                                                                               |               | KT | KT       | KT  |         |
|                                                                                                                                                        |                                                                     |                                                                                                          |               |    |          |     |         |
| KM : Kiểm tra bằng mắt (không tháo lắp)    KT : Kiểm tra và/hoặc điều chỉnh    VS : Tháo, vệ sinh và đo kiểm    TT : Thay thế, bảo dưỡng hoặc bôi trơn |                                                                     |                                                                                                          |               |    |          |     |         |
| Những vấn đề cần lưu ý:                                                                                                                                |                                                                     |                                                                                                          | Kỹ Thuật Viên |    | Quản đốc |     | CVDV    |
|                                                                                                                                                        |                                                                     |                                                                                                          |               |    |          |     |         |
|                                                                                                                                                        |                                                                     |                                                                                                          |               |    |          |     |         |
|                                                                                                                                                        |                                                                     |                                                                                                          |               |    |          |     |         |
|                                                                                                                                                        |                                                                     |                                                                                                          |               |    |          |     |         |
|                                                                                                                                                        |                                                                     |                                                                                                          |               |    |          |     |         |

**Ghi chú:** Cần bảo dưỡng xe sau mỗi 5.000km hoặc 6 tháng, tuỳ điều kiện nào đến trước.

Các cấp bảo dưỡng:    (1) Nhỏ: 5.000km, 15.000km...(÷10.000km)    (2) TB: 10.000km, 30.000km...(÷20.000km)    (3) TB lớn: 20.000km, 60.000km...(÷40.000km)    (4) Lớn: 40.000km, 80.000km...(÷40.000km)